

CHƯƠNG 10

NGUỒN VỐN VÀ NGUỒN VỐN NGẮN HẠN CỦA DOANH NGHIỆP

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH
BỘ MÔN TCDN



TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 3

- Chương 10: Nguồn vốn và nguồn vốn ngắn hạn của doanh nghiệp
- Chương 11: Nguồn vốn dài hạn của doanh nghiệp
- Chương 12: Chi phí sử dụng vốn của doanh nghiệp
- Chương 13: Đòn bẩy tài chính và chính sách vay nợ của doanh nghiệp
- Chương 14: Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp
- Chương 15: Chính sách cổ tức của công ty cổ phần.
- Thời gian: 60 tiết

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tập bài giảng TCDN 3
- Hệ thống câu hỏi và bài tập TCDN 3
- Giáo trình TCDN, Học viện tài chính, NXB Tài chính 2010, chương 2,6,7.
- Giáo trình TCDN, Nguyễn Minh Kiều, NXB Thống kê 2006, chương 9,10,11,12,13,14
- Giáo trình Quản trị TCDN, Nguyễn Hải Sản, NXB Thống kê 1996, chương 10,11,12,17
- V.v.

CHƯƠNG 10

NGUỒN VỐN VÀ NGUỒN VỐN NGẮN HẠN CỦA DOANH NGHIỆP

Mục đích

- **Nắm được tổng quan về nguồn vốn và các mô hình tài trợ vốn của doanh nghiệp.**
- **Nắm được nội dung, ưu nhược điểm của các nguồn vốn ngắn hạn của doanh nghiệp.**

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình Tài chính doanh nghiệp (2010) chương VIII.
- Tài chính doanh nghiệp hiện đại chương 31- Vay và cho vay ngắn hạn

Nội dung

- 10.1. Nguồn vốn của doanh nghiệp
- 10.2. Nguồn vốn ngắn hạn của doanh nghiệp
- 10.3. Những điểm lợi và bất lợi sử dụng nguồn vốn ngắn hạn

10.1. Nguồn vốn của doanh nghiệp

10.1.1. Tổng quan về nguồn vốn của doanh nghiệp

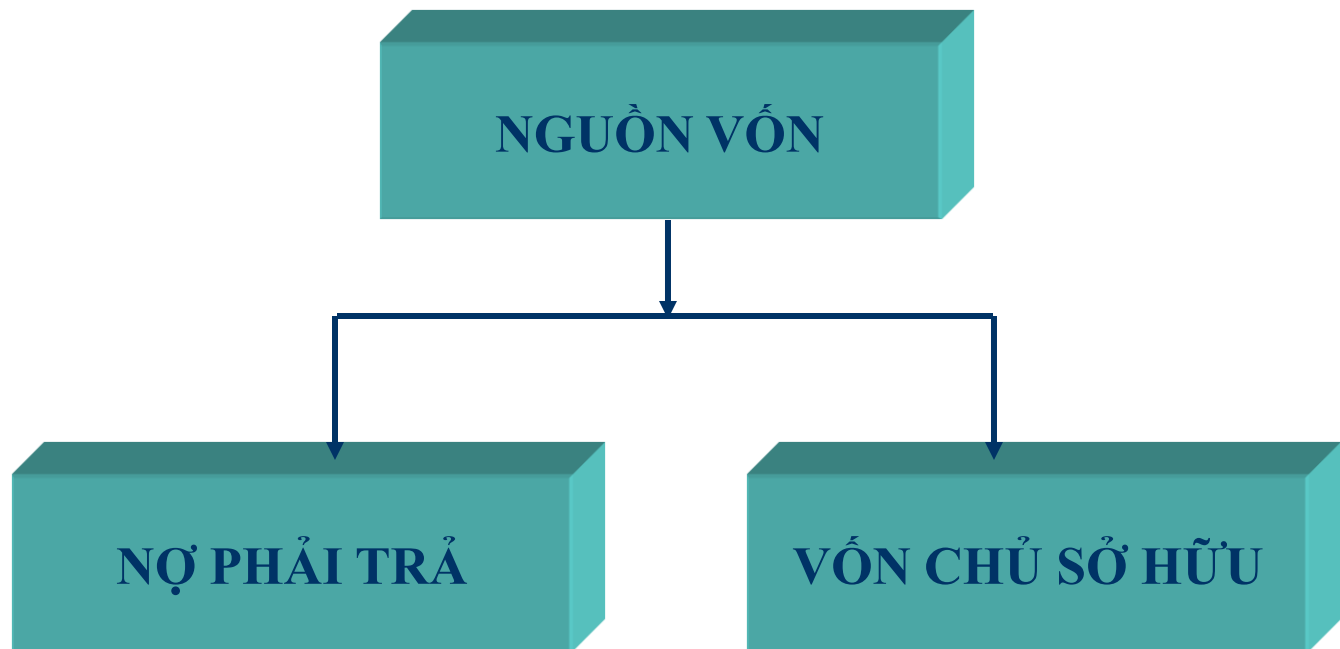
Phân loại nguồn vốn:

10.1.1.1. Dựa vào quan hệ sở hữu vốn

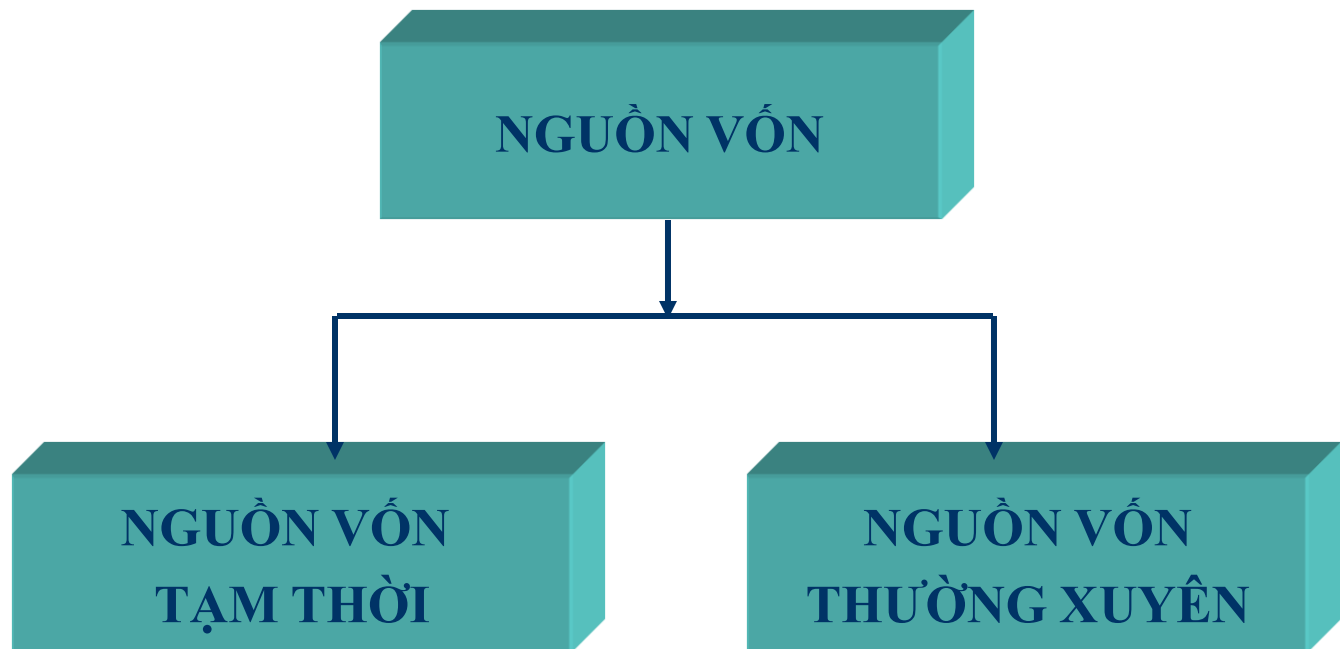
10.1.1.2. Dựa vào thời gian huy động và sử dụng vốn

10.1.1.3. Dựa vào phạm vi huy động vốn

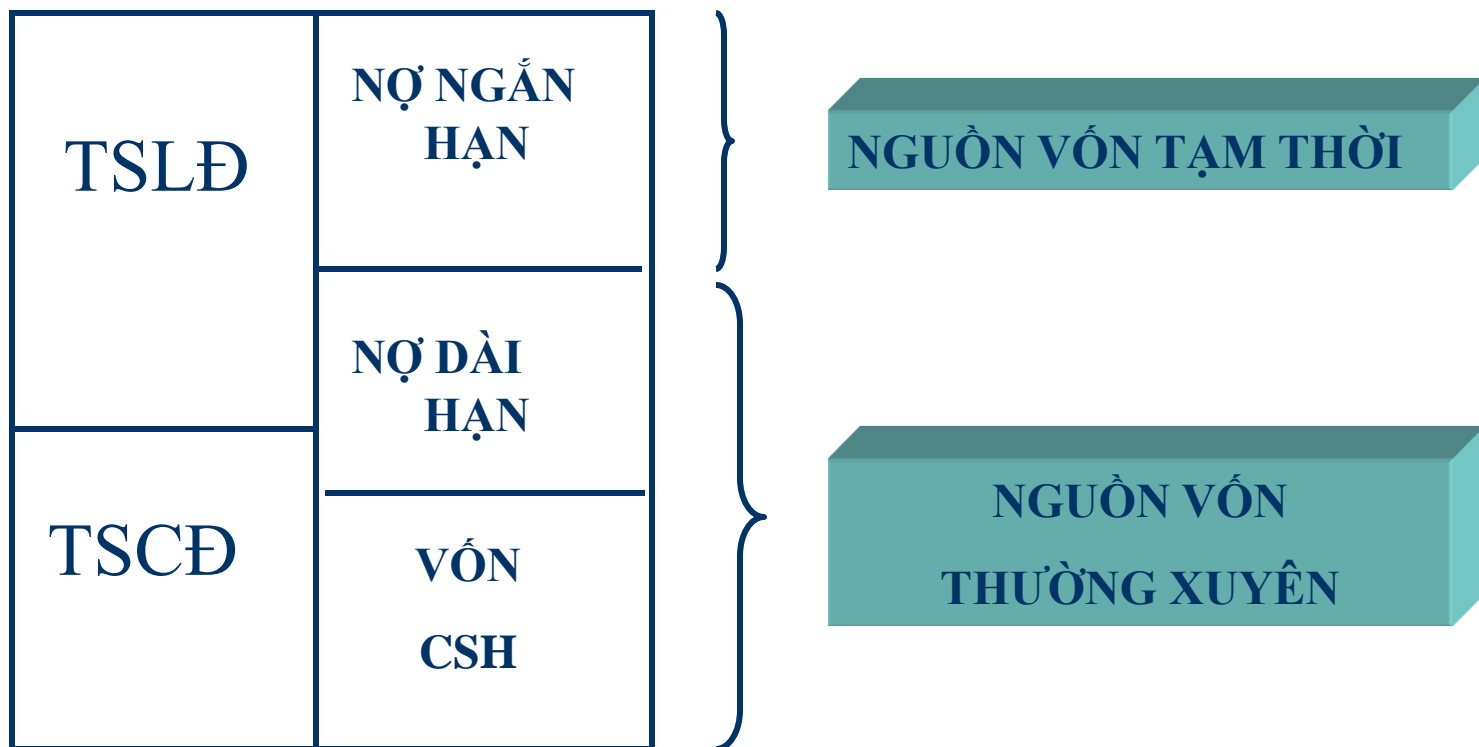
Dựa vào quan hệ sở hữu vốn



Dựa vào thời gian huy động và sử dụng vốn



Dựa vào thời gian huy động và sử dụng vốn



Dựa vào thời gian huy động và sử dụng vốn

- Nguồn vốn thường xuyên:
 - Hiểu là gì?
 - Cách xác định?
 - Nguồn vốn lưu động thường xuyên ?
- Nguồn vốn tạm thời
 - Hiểu là gì?
 - Gồm những gì?

Nguồn vốn thường xuyên

- Nguồn vốn thường xuyên là tổng thể các nguồn vốn có tính chất ổn định mà doanh nghiệp có thể sử dụng vào hoạt động kinh doanh.
- Thường sử dụng để mua sắm, hình thành TSCĐ và một bộ phận TSLĐTX

Nguồn vốn thường xuyên

Nguồn vốn thường xuyên = Vốn CSH + Nợ dài hạn

= Tổng tài sản - Nợ ngắn hạn

NVLĐ TX = Tổng NVTX – GTCL của TSCĐ và các TSDH khác

= TSLĐ - Nợ ngắn hạn

Nguồn vốn lưu động thường xuyên

- Nguồn vốn lưu động thường xuyên?
 - Tài sản lưu động thường xuyên.

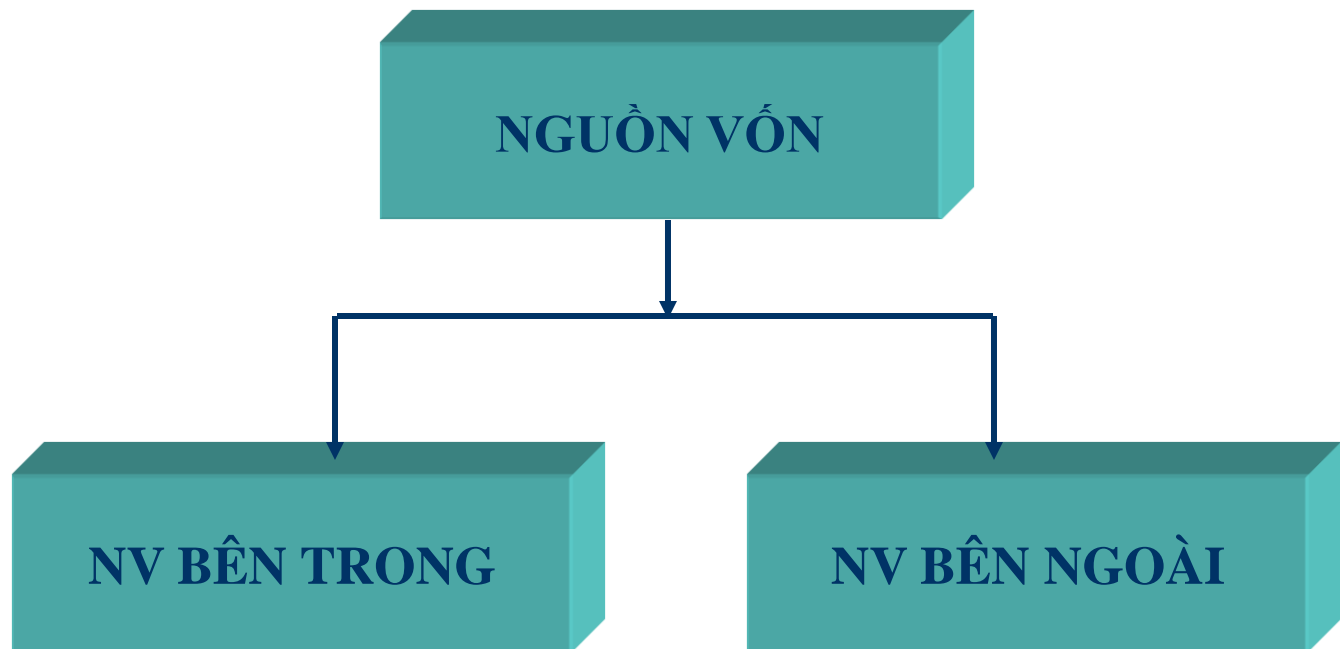
Gồm:

- + Tài sản cố định
- + Tài sản lưu động thường xuyên
- Tài sản lưu động tạm thời.
- + Nguyên nhân phát sinh ?

Những yếu tố tác động tới nguồn VLĐ thường xuyên của DN

- Những yếu tố làm tăng nguồn VLĐ thường xuyên:
 - ✓ Tăng vốn chủ sở hữu
 - ✓ Tăng các khoản nợ vay trung và dài hạn
 - ✓ Nhượng bán hoặc thanh lý TSCĐ
 - ✓ Giảm đầu tư dài hạn vào chứng khoán
 - ✓ ...
- Những yếu tố làm giảm nguồn VLĐ thường xuyên:
 - ✓ Giảm nguồn vốn chủ sở hữu
 - ✓ Hoàn trả các khoản nợ vay trung và dài hạn
 - ✓ Tăng đầu tư vào TSCĐ và đầu tư dài hạn khác
 - ✓ ...

Dựa theo phạm vi huy động



Nguồn vốn bên trong

- Là nguồn vốn được huy động từ chính hoạt động của bản thân doanh nghiệp tạo ra. Nguồn vốn bên trong thể hiện khả năng tự tài trợ của doanh nghiệp
- Bao gồm:

Nguồn vốn bên trong

- **Điểm lợi:**
 - Chủ động đáp ứng nhu cầu vốn
 - Tiết kiệm chi phí sử dụng vốn
 - Giữ được quyền kiểm soát
 - Tránh áp lực phải thanh toán đúng kỳ hạn
- **Bất lợi:**
 - Hiệu quả sử dụng vốn không cao
 - Có sự giới hạn về quy mô

Nguồn vốn bên ngoài

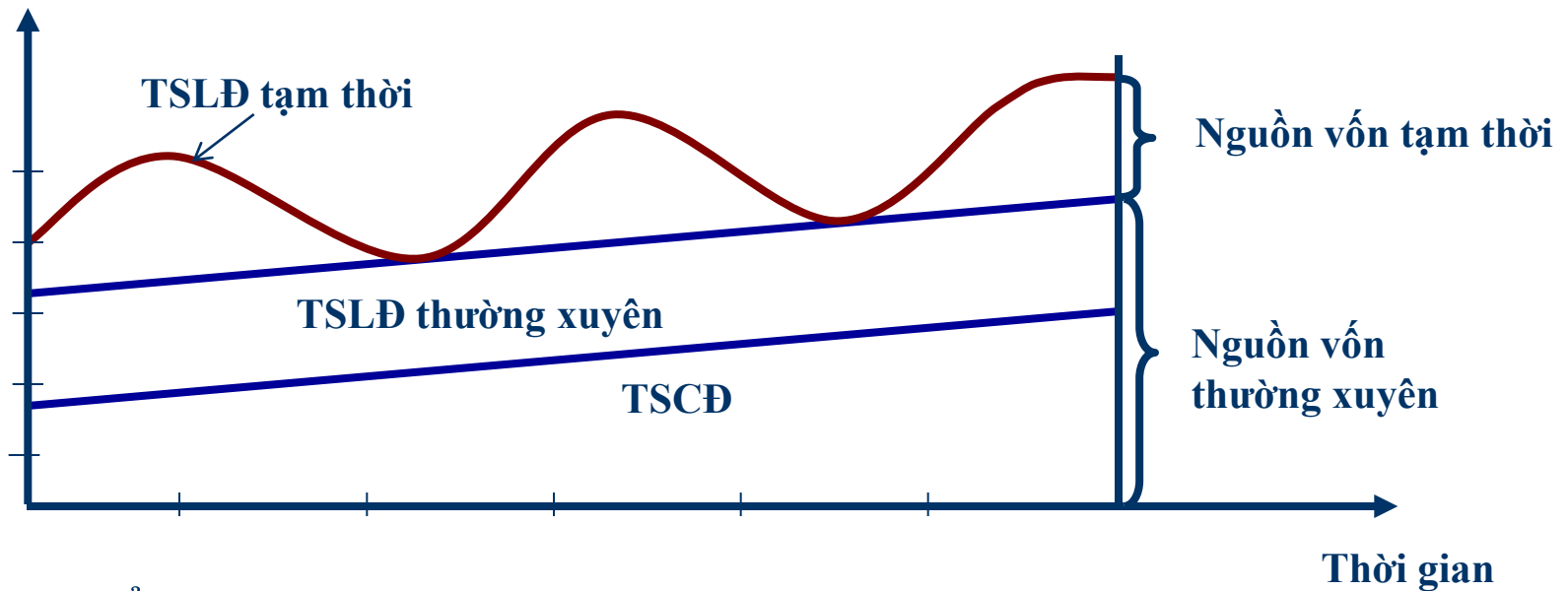
- Là nguồn vốn được huy động từ bên ngoài doanh nghiệp để tăng thêm nguồn tài chính cho hoạt động kinh doanh.
- Bao gồm:

10.1.2. Mô hình tài trợ vốn cho doanh nghiệp

- Mô hình thứ nhất: Toàn bộ TSLĐTX được tài trợ bằng NVTX. Toàn bộ TSLĐTT được tài trợ bằng NVTT.
- Mô hình thứ hai: Toàn bộ TSLĐTX và một phần TSLĐTT được tài trợ bằng NVTX. Phần TSLĐTT còn lại được tài trợ bằng NVTT.
- Mô hình thứ ba: Một phần TSLĐTX được tài trợ bằng NVTX. Phần TSLĐTX còn lại và toàn bộ TSLĐTT được tài trợ bằng NVTT.

Mô hình tài trợ thứ nhất

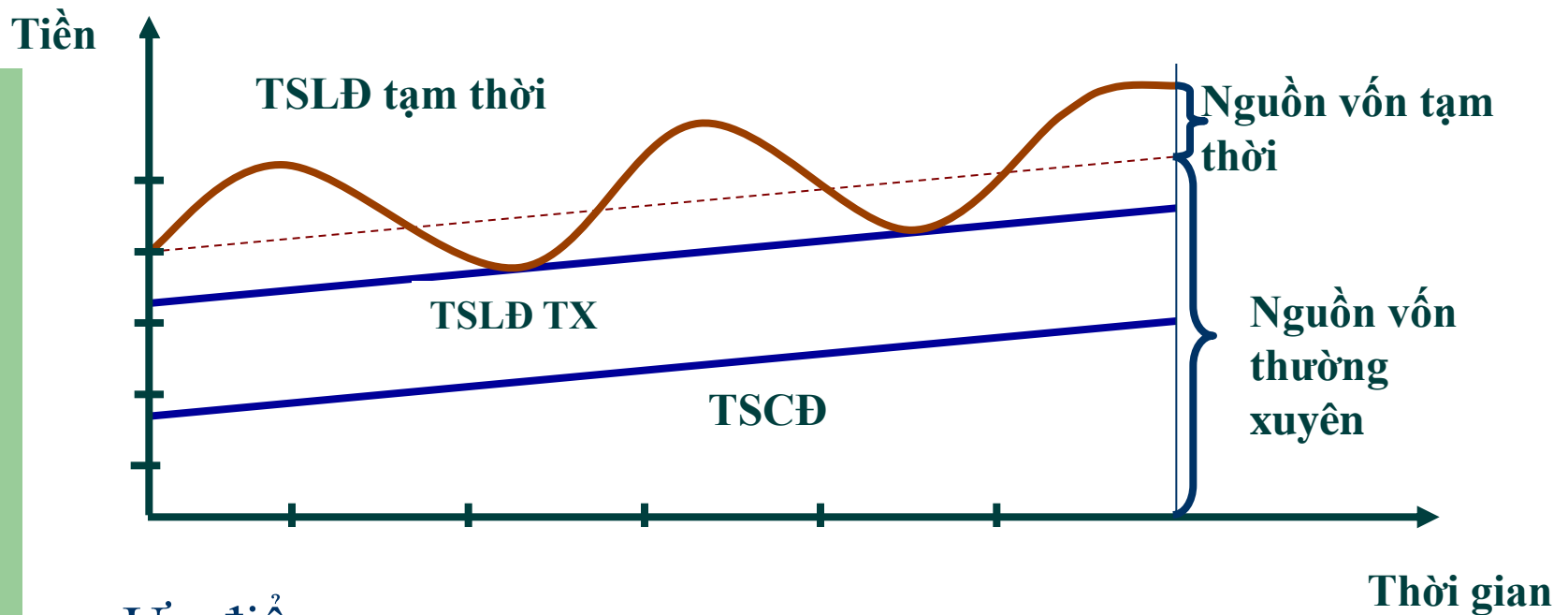
Tiền



- Ưu điểm:
- Hạn chế:



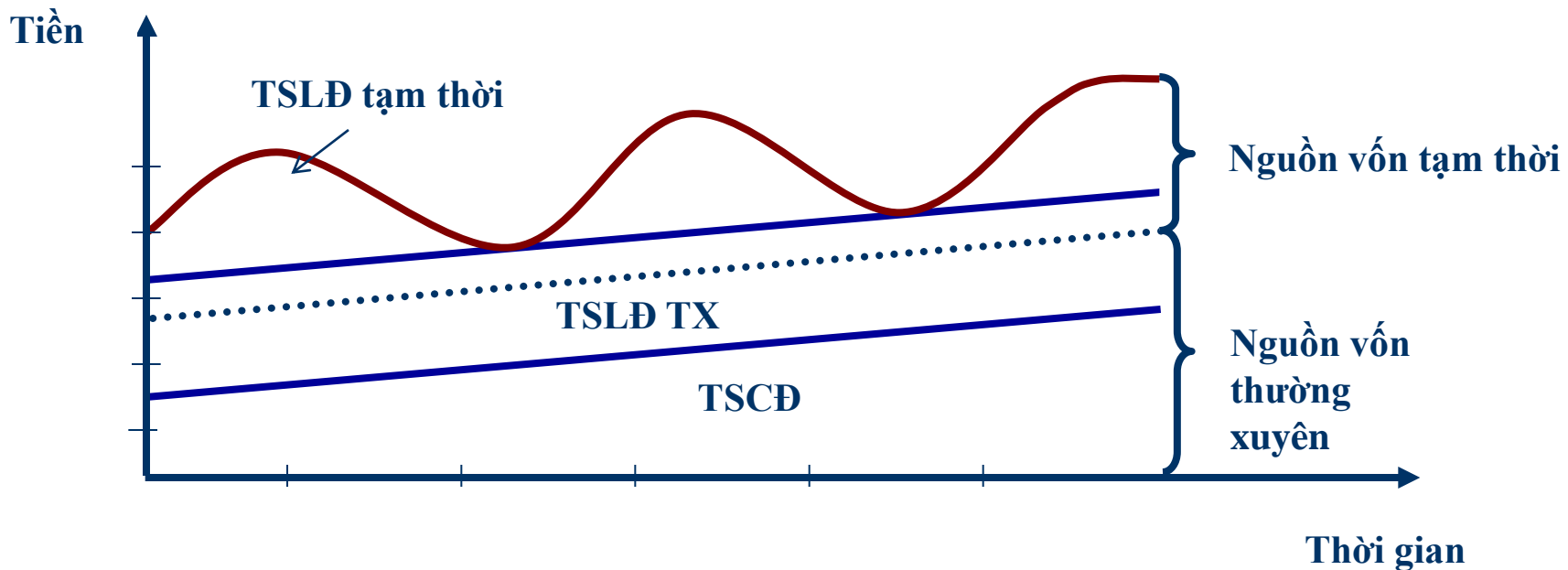
Mô hình tài trợ thứ hai



- Ưu điểm:
- Hạn chế:



Mô hình tài trợ thứ ba



- Ưu điểm:
- Hạn chế:

10.2 Nguồn vốn ngắn hạn của DN

- Nợ phải trả có tính chất chu kỳ
- Nợ phải trả nhà cung cấp
- Tín dụng ngân hàng

Nợ phải trả có tính chất chu kỳ

- Hiểu là gì?
- Bao gồm:
 - Tiền lương, tiền công chưa đến kỳ trả.
 - Các khoản thuế, BHXH chưa đến kỳ nộp
- Ưu nhược điểm.

Nợ phải trả nhà cung cấp

- Hiểu là gì?
- Ưu điểm:
- Hạn chế:

$$\text{Chi phí của TDTM} = \frac{\text{Tỷ lệ chiết khấu}}{1 - \text{Tỷ lệ chiết khấu}} \times \frac{360}{\text{Số ngày mua chịu} - \text{Thời gian hưởng chiết khấu}}$$

Tín dụng ngân hàng

- Hiểu là gì?
- Ưu điểm:

- Hạn chế:

10.3. Những điểm lợi, bất lợi sử dụng nguồn vốn ngắn hạn

- Lợi:
 - Thực hiện dễ dàng, thuận lợi
 - Chi phí sử dụng thấp
 - Dễ dàng linh hoạt điều chỉnh
- Bất lợi:
 - Chịu rủi ro về lãi suất
 - Rủi ro vỡ nợ